

UBND TỈNH HÀ NAM
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: /QĐ-SYT

Hà Nam, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động do bổ sung danh mục kỹ thuật đối với
Phòng khám đa khoa Y cao Hoa Hồng

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật khám, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 01/3/2025 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Hà Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y-Dược, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động do bổ sung danh mục kỹ thuật đối với Phòng khám đa khoa Y cao Hoa Hồng thuộc Công ty TNHH Dịch vụ y tế và Thương mại Huệ Linh (Giấy phép hoạt động số 00104/HNA-GPHĐ do Sở Y tế Hà Nam cấp ngày 21/3/2025; Địa chỉ: TDP Đông Hải, phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam)

Điều 2. Phê duyệt bổ sung 193 (một trăm chín mươi ba) danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh thực hiện tại Phòng khám đa khoa Y cao Hoa Hồng theo quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BYT. (danh mục kèm theo).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành. Phòng khám đa khoa Y cao Hoa Hồng phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật được Sở Y tế Hà Nam phê duyệt và theo đúng quy định của pháp luật có liên quan về hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 4. Trưởng phòng Nghiệp vụ Y-Dược, Trưởng các phòng chức năng Sở Y tế, Phòng khám đa khoa Y cao Hoa Hồng và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND TX Duy Tiên;
- Phòng TCHC; (đăng công)
- Lưu VT, NVYD.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Khải

DANH MỤC KỸ THUẬT
TRONG KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH THỰC HIỆN TẠI
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA Y CAO HOA HỒNG- CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ Y TẾ
VÀ THƯƠNG MẠI HUỆ LINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày /.../2025 của
Giám đốc Sở Y tế tỉnh Hà Nam)

STT	STT theo TT 23	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
1	1402	3.281	03. NHI KHOA	Ngâm thuốc YHCT toàn thân
2	1403	3.282	03. NHI KHOA	Xông hơi thuốc
3	1404	3.283	03. NHI KHOA	Xông khói thuốc
4	1405	3.284	03. NHI KHOA	Sắc thuốc thang
5	1406	3.285	03. NHI KHOA	Ngâm thuốc YHCT bộ phận
6	1408	3.287	03. NHI KHOA	Bỏ thuốc
7	1409	3.288	03. NHI KHOA	Chườm ngải
8	1413	3.292	03. NHI KHOA	Chích lễ
9	1583	3.462	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị liệt chi trên
10	1592	3.471	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị giảm khứu giác
11	1594	3.473	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị khàn tiếng
12	1597	3.476	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp
13	1606	3.485	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị chắp lẹo
14	1609	3.488	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị viêm kết mạc
15	1610	3.489	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
16	1613	3.492	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình
17	1616	3.495	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
18	1619	3.498	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận
19	1624	3.503	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa
20	1628	3.507	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật
21	1634	3.513	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
22	1636	3.515	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư
23	1637	3.516	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị đau răng
24	1638	3.517	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị giảm đau do zona
25	1639	3.518	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị viêm mũi xoang
26	1642	3.521	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị huyết áp thấp
27	1654	3.533	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị liệt chi trên
28	1665	3.544	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị khàn tiếng

29	1668	3.547	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp
30	1670	3.549	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu
31	1671	3.550	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị mất ngủ
32	1677	3.556	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị sụp mí
33	1679	3.558	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
34	1681	3.560	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị giảm thị lực
35	1682	3.561	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình
36	1683	3.562	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị giảm thính lực
37	1687	3.566	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị hen phế quản
38	1689	3.568	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị huyết áp thấp
39	1693	3.572	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị trĩ
40	1694	3.573	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị sa dạ dày
41	1701	3.580	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị đau lưng
42	1703	3.582	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai
43	1706	3.585	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
44	1711	3.590	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa
45	1713	3.592	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị đái dầm
46	1722	3.601	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị đau răng
47	1725	3.604	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi trên
48	1726	3.605	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi dưới
49	1729	3.608	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do viêm não
50	1731	3.610	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi trên
51	1732	3.611	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi dưới
52	1735	3.614	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng ù tai
53	1736	3.615	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm khứu giác
54	1737	3.616	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do bệnh của cơ
55	1742	3.621	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược
56	1743	3.622	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng ngoại tháp
57	1745	3.624	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu
58	1746	3.625	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị mất ngủ
59	1749	3.628	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh
60	1750	3.629	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V
61	1751	3.630	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên
62	1752	3.631	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị sụp mí
63	1753	3.632	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
64	1756	3.635	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền đình

65	1757	3.636	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thính lực
66	1758	3.637	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm mũi xoang
67	1759	3.638	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị hen phế quản
68	1761	3.640	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị huyết áp thấp
69	1763	3.642	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh liên sườn
70	1767	3.646	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp
71	1769	3.648	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau lưng
72	1771	3.650	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm quanh khớp vai
73	1772	3.651	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng vai gáy
74	1775	3.654	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
75	1778	3.657	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị táo bón
76	1779	3.658	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn tiêu hóa
77	1782	3.661	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn thần kinh thực vật
78	1783	3.662	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị béo phì
79	1785	3.664	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
80	1786	3.665	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau sau phẫu thuật
81	1787	3.666	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau do ung thư
82	1789	3.668	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyết điều trị đái dầm
83	1792	3.671	03. NHI KHOA	Cứu điều trị đau lưng thể hàn
84	1796	3.675	03. NHI KHOA	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn
85	1797	3.676	03. NHI KHOA	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn
86	1799	3.678	03. NHI KHOA	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn
87	1800	3.679	03. NHI KHOA	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn
88	1801	3.680	03. NHI KHOA	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn
89	1806	3.685	03. NHI KHOA	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn
90	1807	3.686	03. NHI KHOA	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn
91	1809	3.688	03. NHI KHOA	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn
92	1810	3.689	03. NHI KHOA	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn
93	1813	3.692	03. NHI KHOA	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn
94	1814	3.693	03. NHI KHOA	Cứu điều trị đái dầm thể hàn
95	1815	3.694	03. NHI KHOA	Cứu điều trị bí đái thể hàn
96	1816	3.695	03. NHI KHOA	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn
97	1817	3.696	03. NHI KHOA	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn
98	1828	3.707	03. NHI KHOA	Điều trị bằng từ trường
99	1830	3.709	03. NHI KHOA	Điều trị bằng laser công suất thấp
100	1892	3.771	03. NHI KHOA	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều
101	1894	3.773	03. NHI KHOA	Điều trị bằng các dòng điện xung
102	1895	3.774	03. NHI KHOA	Điều trị bằng tia hồng ngoại

103	1927	3.806	03. NHI KHOA	Tập dưỡng sinh
104	1932	3.811	03. NHI KHOA	Tập vận động có trợ giúp
105	1941	3.820	03. NHI KHOA	Tập vận động chủ động
106	1942	3.821	03. NHI KHOA	Tập vận động có kháng trở
107	1943	3.822	03. NHI KHOA	Tập vận động thụ động
108	1944	3.823	03. NHI KHOA	Đo tầm vận động khớp
109	2010	3.889	03. NHI KHOA	Tập do cứng khớp
110	2017	3.896	03. NHI KHOA	Tập vận động cột sống
111	2180	3.1059	03. NHI KHOA	Nội soi thực quản - dạ dày, lấy dị vật
112	2183	3.1062	03. NHI KHOA	Nội soi đại tràng sigma
113	2184	3.1063	03. NHI KHOA	Nội soi đại tràng - lấy dị vật
114	2187	3.1066	03. NHI KHOA	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết
115	2192	3.1071	03. NHI KHOA	Soi trực tràng
116	2771	3.1650	03. NHI KHOA	Rạch áp xe túi lệ
117	2778	3.1657	03. NHI KHOA	Phẫu thuật mộng đơn thuần
118	2780	3.1659	03. NHI KHOA	Cắt bỏ chấp có bọc
119	2786	3.1665	03. NHI KHOA	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
120	2809	3.1688	03. NHI KHOA	Khâu kết mạc
121	2815	3.1694	03. NHI KHOA	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
122	2816	3.1695	03. NHI KHOA	Rửa cùng đồ
123	2818	3.1697	03. NHI KHOA	Bóc giả mạc
124	2921	3.1800	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ
125	2922	3.1801	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nhổ răng ngầm
126	2923	3.1802	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân
127	2940	3.1819	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên
128	2941	3.1820	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới
129	2956	3.1836	03. NHI KHOA	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
130	2973	3.1853	03. NHI KHOA	Điều trị tủy lại
131	2978	3.1858	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
132	2996	3.1876	03. NHI KHOA	Chụp sứ toàn phần
133	3034	3.1914	03. NHI KHOA	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
134	3035	3.1915	03. NHI KHOA	Nhổ chân răng vĩnh viễn
135	3036	3.1916	03. NHI KHOA	Nhổ răng thừa
136	3037	3.1917	03. NHI KHOA	Nhổ răng vĩnh viễn
137	3038	3.1918	03. NHI KHOA	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
138	3043	3.1923	03. NHI KHOA	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc
139	3044	3.1924	03. NHI KHOA	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
140	3048	3.1928	03. NHI KHOA	Điều trị viêm quanh răng

141	3049	3.1929	03. NHI KHOA	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
142	3051	3.1931	03. NHI KHOA	Phục hồi cổ răng bằng Composite
143	3060	3.1940	03. NHI KHOA	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
144	3062	3.1942	03. NHI KHOA	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
145	3063	3.1943	03. NHI KHOA	Lấy tủy buồng răng sữa
146	3064	3.1944	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng sữa
147	3075	3.1956	03. NHI KHOA	Nhổ chân răng sữa
148	3077	3.1958	03. NHI KHOA	Trích áp xe lợi trẻ em
149	3079	3.1960	03. NHI KHOA	Trích áp xe lợi
150	3083	3.1964	03. NHI KHOA	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
151	3084	3.1965	03. NHI KHOA	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
152	3086	3.1967	03. NHI KHOA	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
153	3091	3.1973	03. NHI KHOA	Chụp nhựa
154	3235	3.2117	03. NHI KHOA	Lấy dị vật tai
155	3237	3.2119	03. NHI KHOA	Trích nhọt ống tai ngoài
156	3238	3.2120	03. NHI KHOA	Làm thuốc tai
157	3296	3.2178	03. NHI KHOA	Lấy dị vật hạ họng
158	3308	3.2190	03. NHI KHOA	Lấy dị vật họng miệng
159	3364	3.2246	03. NHI KHOA	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh
160	3376	3.2258	03. NHI KHOA	Trích áp xe tuyến Bartholin
161	3380	3.2262	03. NHI KHOA	Lấy dị vật âm đạo
162	3381	3.2263	03. NHI KHOA	Khâu rách cùng đồ âm đạo
163	3382	3.2264	03. NHI KHOA	Làm lại thành âm đạo, tăng sinh môn
164	3650	3.2532	03. NHI KHOA	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm
165	3653	3.2535	03. NHI KHOA	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm
166	3851	3.2733	03. NHI KHOA	Cắt u thành âm đạo
167	3852	3.2734	03. NHI KHOA	Bóc nang tuyến Bartholin
168	4383	3.3265	03. NHI KHOA	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản
169	4524	3.3406	03. NHI KHOA	Trích áp xe tăng sinh môn
170	4957	3.3839	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột trật khớp vai
171	4959	3.3841	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay
172	4960	3.3842	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay
173	4961	3.3843	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay
174	4962	3.3844	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu
175	4964	3.3846	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay
176	4965	3.3847	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay
177	4967	3.3849	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay
178	4968	3.3850	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay
179	4969	3.3851	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay

180	4970	3.3852	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay
181	4972	3.3854	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay
182	4974	3.3856	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng
183	4975	3.3857	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy mâm chày
184	4981	3.3863	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột trật khớp gối
185	4982	3.3864	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân
186	4983	3.3865	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân
187	4984	3.3866	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân
188	4985	3.3867	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy xương chày
189	4988	3.3870	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân
190	4989	3.3871	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy xương gót
191	4990	3.3872	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân
192	4991	3.3873	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn
193	4993	3.3875	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân

Tổng số: 193 Danh mục kỹ thuật

